

Về sự thăng tiến trong công tác của nữ cán bộ, công chức (trường hợp tỉnh Tuyên Quang)

Đỗ Thị Thanh Hương^(*)

Tóm tắt: *Tuyên Quang là một trong những tỉnh có số lượng nữ đại biểu hội đồng nhân dân, ủy viên ban chấp hành đảng bộ các cấp cao so với các tỉnh trên toàn quốc. Tỷ lệ nữ tham gia Ban Chấp hành đảng bộ, kết nạp Đảng, được cử đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý nhà nước... ngày càng tăng. Nội dung bài viết tập trung phân tích, so sánh các tỷ lệ trên giữa các năm, các giai đoạn trong thời gian từ năm 2005-2013 để làm rõ nhận định vừa nêu. Kết quả phân tích cũng cho thấy một số kết quả đánh dấu sự thăng tiến của nữ cán bộ, công chức trong tỉnh, đồng thời phát hiện một số hạn chế của phụ nữ trong học tập nâng cao trình độ, một trong những cơ sở để quy hoạch, bổ nhiệm các vị trí lãnh đạo. Qua đó đóng góp một vài ý kiến nhằm thúc đẩy sự thăng tiến của nữ cán bộ, công chức một cách hiệu quả.*

Từ khóa: Tỉnh ủy Tuyên Quang, Quy hoạch cán bộ, Công chức viên chức, Bình đẳng cơ hội

1. Sự thăng tiến của phụ nữ trong hoạt động chính trị

Một tiêu chí rõ nhất về bình đẳng giới là sự thăng tiến của phụ nữ trong công tác thuộc các lĩnh vực chính trị, kinh tế - xã hội. Đã có nhiều nghiên cứu về sự tham gia của phụ nữ trong bộ máy lãnh đạo, quản lý cấp quốc gia và cấp cơ sở, trong nước và quốc tế. Các nghiên cứu về nội dung này cho thấy, càng nhiều phụ nữ nắm giữ các chức vụ trong bộ máy lãnh đạo, quản lý thì quyền của phụ nữ càng được đảm bảo thực thi và vai trò của phụ nữ càng được tăng lên (Trần Thị Vân Anh, Lê Ngọc Hùng,

2000; Lê Ngọc Hùng, Nguyễn Thị Mỹ Lộc, 2000). Tuy nhiên, vẫn cần thu thập, xử lý và phân tích các dữ liệu thực tế về sự thăng tiến nghề nghiệp của phụ nữ ở các địa phương, nhất là ở tỉnh miền núi nơi có đồng bào dân tộc và đời sống còn nhiều khó khăn để có thể làm phong phú dữ liệu về bình đẳng giới và gợi mở suy nghĩ về giải pháp nâng cao vị thế, vai trò của phụ nữ trong lãnh đạo, quản lý ở địa phương.

Ở Việt Nam, quyền của phụ nữ tham gia chính trị đã được ghi nhận trong Luật Bình đẳng giới, nhưng tỷ lệ phụ nữ nắm giữ các vị trí trong hệ thống chính trị còn thấp so với nam giới

^(*) NCS. Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

(Ủy ban Các vấn đề xã hội, 2015). Do vậy, vấn đề đặt ra là đánh giá được thực trạng thăng tiến của phụ nữ trong các tổ chức chính trị ở địa phương để từ đó có thể gợi mở các giải pháp nâng cao cơ hội và tạo điều kiện nâng cao năng lực thăng tiến trong công tác cho phụ nữ.

Tuyên Quang là tỉnh miền núi phía Bắc, dân số trên 74 vạn người (nữ chiếm 49,91% dân số), với 22 dân tộc. Toàn tỉnh có 6 huyện, 01 thành phố; 141 xã, phường, thị trấn. Tính đến tháng 2/2014, toàn tỉnh có 19.649 cán bộ, công chức, viên chức, trong đó nữ chiếm tỷ lệ 61,76% (Ban Tổ chức Tỉnh ủy Tuyên Quang, 2014). Nhiều năm qua, Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang rất quan tâm đến công tác cán bộ nữ và cán bộ thuộc dân tộc ít người. Có thể nói, đây là một trong những lý do khiến Tuyên Quang là một trong những tỉnh có số lượng nữ đại biểu Hội đồng nhân dân, ủy viên Ban chấp

hành đảng bộ các cấp cao hơn so với các địa phương trong toàn quốc. Đây cũng là một trong những thành công của Hệ thống chính trị của tỉnh Tuyên Quang trong thực hiện chính sách về bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ, cần được tìm hiểu, phân tích để đưa ra giải pháp duy trì và nhân rộng các kết quả bình đẳng giới.

Để chuẩn bị nhân sự cho các kỳ đại hội Đảng cũng như bầu cử Hội đồng nhân dân, các cấp ủy, chính quyền của tỉnh Tuyên Quang đã có những chủ trương, chính sách thiết thực để thúc đẩy, phát triển cán bộ nữ tham gia. Để xem xét tỷ lệ nữ tham chính trong các nhiệm kỳ đại hội gần đây, có thể tìm hiểu qua số liệu bảng 1.

Nhiệm kỳ 2010-2015, tỷ lệ nữ tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ đảng bộ cấp huyện và cấp xã của Tuyên Quang tăng hơn so với nhiệm kỳ trước

Bảng 1: Tỷ lệ nữ tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ cấp huyện, xã nhiệm kỳ 2005-2010 và nhiệm kỳ 2010-2015

Cấp	Nữ ủy viên Ban chấp hành (%)				Trong đó Nữ ủy viên Ban Thường vụ (%)		
	Nhiệm kỳ 2005-2010	Nhiệm kỳ 2010-2015	So sánh 2 nhiệm kỳ	Bình quân trong cả nước	Nhiệm kỳ 2005-2010	Nhiệm kỳ 2010-2015	So sánh 2 nhiệm kỳ
Huyện	17,8	19,8	1,9	15,2	14,9	16,8	2
Xã	20,3	22,4	2,1	18	6,9	12,6	5,7
Cấp	Nữ ủy viên Ban chấp hành (%)				Trong đó Nữ ủy viên Ban Thường vụ (%)		
	Nhiệm kỳ 2005-2010	Nhiệm kỳ 2010-2015	So sánh 2 nhiệm kỳ	Bình quân trong cả nước	Nhiệm kỳ 2005-2010	Nhiệm kỳ 2010-2015	So sánh 2 nhiệm kỳ
Huyện	17,8	19,8	1,9	15,2	14,9	16,8	2
Xã	20,3	22,4	2,1	18	6,9	12,6	5,7

Nguồn: Ban Tổ chức Tỉnh ủy Tuyên Quang, Báo cáo số 148-BC/TU ngày 10/9/2010 về tổng kết đại hội các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, đảng bộ cơ sở nhiệm kỳ 2010-2015.

và cao hơn tỷ lệ bình quân trong cả nước. Điều này cũng đồng nghĩa với việc nữ cán bộ, công chức ở cấp huyện, cấp cơ sở đã có những tiến bộ vượt bậc. Nhiều phụ nữ đã có những nỗ lực trong công tác cũng như nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để tự khẳng định được

cơ quan đơn vị chú trọng, tỷ lệ nữ đảng viên ngày một gia tăng (Xem bảng 2). Tỷ lệ nữ đảng viên ở các các cơ quan từ cấp huyện đến cấp xã thời điểm năm 2013 gia tăng hơn so với thời điểm năm 2005. Điều này khẳng định nhiều phụ nữ đã có những cố gắng phấn đấu trong công

Bảng 2: Tỷ lệ nữ, đảng viên nữ trong các cơ quan cấp huyện, xã

STT	Cấp quản lý	Thời điểm tháng 12/2005 (%)		Thời điểm tháng 12/2013 (%)		So sánh thời điểm 12/2005 và 12/2013 (%)	
		Tỷ lệ nữ	Tỷ lệ nữ đảng viên	Tỷ lệ nữ	Tỷ lệ nữ đảng viên	Tỷ lệ nữ	Tỷ lệ nữ đảng viên
2	Cơ quan cấp huyện	38,5	41,7	42,2	41,9	3,7	0,2
3	Cơ quan cấp xã	23,5	24,3	30,0	29,1	6,5	4,8

Nguồn: *Số liệu thống kê của Ban Tổ chức Tỉnh ủy Tuyên Quang.*

khả năng, năng lực của mình, được cấp trên cũng như đồng nghiệp ghi nhận, tín nhiệm bầu vào Ban Chấp hành đảng bộ. Đó cũng là việc tổ chức thực hiện tốt các chính sách về bình đẳng giới của các cấp, ngành ở Tuyên Quang; sự chia sẻ công việc, động viên của các thành viên trong gia đình nữ cán bộ, công chức, viên chức.

2. Tỷ lệ nữ cán bộ, công chức, viên chức là đảng viên gia tăng

Ở mỗi cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị, tổ chức Đảng phát triển mạnh cũng đồng nghĩa với việc ở đó có nhiều người ưu tú trong nhận thức tư tưởng chính trị, xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ. Đối với mỗi cán bộ, công chức, viên chức, được đứng trong hàng ngũ của Đảng là kết quả của sự nỗ lực phấn đấu, đánh dấu sự tiến bộ, là một bước tiến quan trọng, là tiền đề cho những bước phát triển tiếp theo. Hàng năm, công tác xây dựng đảng được các

tác cũng như tu dưỡng đạo đức, đạt được những tiến bộ rõ rệt, được cơ quan, đồng nghiệp ghi nhận, tổ chức đảng xem xét kết nạp, đứng vào hàng ngũ của Đảng.

3. Tỷ lệ nữ được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị và quản lý nhà nước

Những năm gần đây, nhiều nữ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Tuyên Quang đã chú trọng việc học tập nâng cao trình độ. Cụ thể: ở các cơ quan cấp huyện, giai đoạn 2005-2010, tỷ lệ nữ được cử đi học là 42,0%; giai đoạn 2010-2013 con số này là 45,9% (tăng 3,9%). Đối với cấp xã, giai đoạn 2005-2010, tỷ lệ nữ được cử đi học chiếm 38,0%; giai đoạn 2010-2013 số này là 42,0% (tăng 4%).

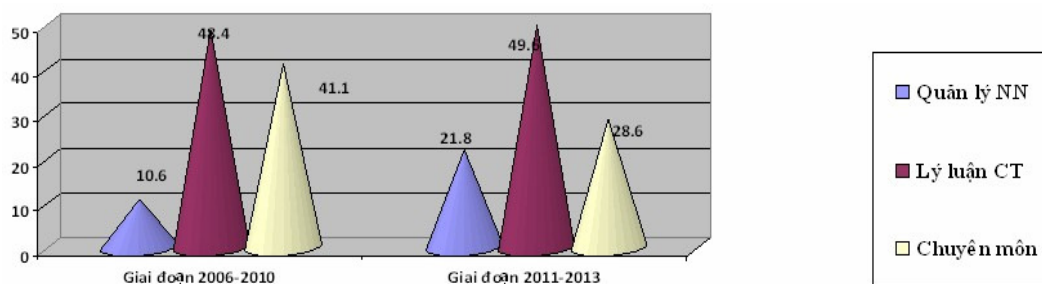
Các lĩnh vực đào tạo cho nữ cán bộ, công chức cấp huyện thể hiện ở biểu đồ 1.

Qua biểu đồ 1 thấy rằng, nữ cán bộ, công chức cấp huyện được cử đi học, chủ yếu tập trung đào tạo về trình độ lý luận chính trị và trình độ chuyên môn. Số đào tạo quản lý nhà nước chiếm tỷ lệ

rất thấp, cụ thể giai đoạn 2006-2010, trong số nữ được cử đi học, số đào tạo quản lý nhà nước chỉ chiếm 10,6%. Giai đoạn 2010-2013 số này tăng lên 21,8% nhưng vẫn chiếm tỷ lệ thấp nhất so với các lĩnh vực đào tạo khác như chuyên môn, nghiệp vụ cũng như lý luận chính

trị. Như vậy, khi công tác tổ chức cần những người đủ tiêu chuẩn (trong đó có quản lý nhà nước) để quy hoạch, bổ nhiệm lãnh đạo thì số phụ nữ đáp ứng yêu cầu đó sẽ chiếm tỷ lệ không cao. Hay nói cách khác, ít phụ nữ có cơ hội để thăng tiến.

Biểu đồ 1: Tỷ lệ nữ cán bộ, công chức cấp huyện được cử đi đào tạo trên các lĩnh vực



Nguồn: Ban Tổ chức Tỉnh ủy Tuyên Quang

Bảng 3: Tỷ lệ nữ cán bộ, công chức cơ quan cấp huyện được cử đi đào tạo các bậc học

STT	Nội dung	Giai đoạn 2006-2010		Giai đoạn 2011-2013		So sánh tỷ lệ nữ các giai đoạn (%)
		Tổng (người)	Nữ (%)	Tổng (người)	Nữ (%)	
I	Quản lý nhà nước	176	34,9	289	33,2	-1,6
1	Chuyên viên cao cấp	1	-	5	-	-
2	Chuyên viên	108	39,8	204	36,8	-3,1
3	Chuyên viên chính	66	27,3	59	23,7	-3,5
	Cán sự	1	100,0	21	71,4	-28,6
II	Lý luận chính trị	805	44,8	659	37,8	-7,1
1	Cao cấp, cử nhân	180	41,7	108	22,2	-19,4
2	Trung cấp	625	45,8	551	40,8	-4,9
III	Đào tạo chuyên môn	683	40,4	380	67,5	27,0
1	Tiến sĩ và tương đương	1	-	1	100,0	100,0
2	Thạc sĩ và tương đương	10	20,0	54	22,2	2,2
3	Đại học	672	40,8	325	74,8	34,0
Tổng		1664	42,0	1328	45,9	3,9

Nguồn: Ban Tổ chức Tỉnh ủy Tuyên Quang

Công tác đào tạo nâng cao trình độ đối với cán bộ, công chức được các cấp, ngành của tỉnh Tuyên Quang thực hiện thường xuyên. Tỷ lệ nữ được cử đi đào tạo đối với từng bậc học của các lĩnh vực đào tạo được thể hiện qua bảng 3.

Bảng 3 cho thấy, lĩnh vực quản lý nhà nước và lý luận chính trị, tỷ lệ nữ được cử đi đào tạo giai đoạn 2011-2013 giảm hơn so với giai đoạn 2006-2010 và giảm ở tất cả các bậc học. Giảm nhiều nhất ở bậc cao cấp lý luận chính trị (từ 41,7% giai đoạn 2006-2010, xuống còn 22,2% giai đoạn 2011-2013). Trong lĩnh vực quản lý nhà nước, chương trình chuyên viên chính, tỷ lệ nữ cũng giảm (từ 27,3% giai đoạn 2006-2010, xuống còn 23,7 % giai đoạn 2011-2013). Đặc biệt, đối với chương trình chuyên viên cao cấp, từ năm 2006 đến năm 2013, các huyện thành phố trong tỉnh có 06 người được cử đi đào tạo, nhưng hoàn toàn là nam giới. Số nữ được cử đi đào tạo lý luận chính trị cũng có chiều hướng giảm trong thời gian gần đây. Điều đó cho thấy, nữ giới còn nhiều hạn chế trong việc tham gia đào tạo lý luận chính trị và quản lý nhà nước, nhất là ở bậc chuyên viên cao cấp (trình độ cao), mặc dù đây là một trong những điều kiện cần thiết trong việc quy hoạch, bổ nhiệm lãnh đạo.

Bên cạnh đó, tỉnh Tuyên Quang cũng có những hỗ trợ cho cán bộ, công chức có nhu cầu được đào tạo cao hơn như thạc sĩ, tiến sĩ,... Tỉnh chủ trương hỗ trợ 45 tháng lương tối thiểu đối với thạc sĩ, 60 tháng lương tối thiểu đối với tiến sĩ. Riêng nữ được cộng thêm 20%. Tuy nhiên, nhiều phụ nữ vẫn không dám đăng ký đi học bởi việc học cũng chiếm khá nhiều thời gian, ảnh hưởng không nhỏ tới những công việc thuộc thiên chức của người phụ nữ.

Đối với cán bộ, công chức cấp huyện, vẫn còn một số người chưa đạt trình độ đại học (hoặc một số cần được đào tạo văn bằng hai để phù hợp với công việc chuyên môn). Giai đoạn 2011-2013, trong số những người được cử đi đào tạo ở bậc đại học, tỷ lệ nữ chiếm 74,8% (tăng hơn giai đoạn trước 34,0%).

Như vậy, có thể thấy, các cấp ủy, chính quyền đã rất quan tâm đến việc tạo điều kiện để nữ cán bộ, công chức, viên chức hoàn thiện, nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu công việc của cơ quan. Tuy nhiên, tỷ lệ nữ được cử đi đào tạo chủ yếu gia tăng ở đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ. Tỷ lệ nữ được cử đi đào tạo lý luận chính trị, quản lý nhà nước, có chiều hướng giảm. Nhiều nữ cán bộ, công chức, viên chức chỉ chú ý đến bồi dưỡng chuyên môn mà chưa chú ý đến hai lĩnh vực quản lý nhà nước và lý luận chính trị, do đó bị hạn chế về cơ hội.

Đối với cán bộ, công chức cấp xã, công tác đào tạo chủ yếu tập trung ở lĩnh vực quản lý nhà nước hệ chuyên viên và lĩnh vực lý luận chính trị hệ trung cấp (Xem bảng 4).

Qua bảng 4, có thể thấy, nữ cán bộ, công chức cấp xã được cử đi đào tạo chủ yếu là quản lý nhà nước ở bậc chuyên viên và cán sự. Đối với lĩnh vực lý luận chính trị, chủ yếu ở trình độ sơ cấp mà chưa được đào tạo ở trình độ cử nhân và cao cấp. Đây cũng chính là điểm hạn chế của một số nữ cán bộ, công chức cấp xã trong việc quy hoạch, bổ nhiệm các vị trí lãnh đạo.

Đối với đào tạo chuyên môn, giai đoạn 2005-2010, toàn tỉnh chỉ có 01 cán bộ xã được cử đi đào tạo thạc sĩ (*là nam giới*), đến giai đoạn 2011-2013 có 2 người (*trong đó có 1 nữ*). Tỷ lệ nữ cán bộ, công chức cấp xã được cử đi đào tạo

đại học giai đoạn 2011-2013 tăng 8,8% so với giai đoạn 2006-2010.

Nhu cầu của công việc ở cấp xã là thực thi các chế độ chính sách đến với người dân, chưa mang tính chỉ đạo vĩ mô, nên tiêu chuẩn của mỗi cán bộ, công chức cấp xã cũng chỉ đòi hỏi nhất định về trình độ quản lý nhà nước, lý luận chính trị cũng như về chuyên môn nghiệp vụ. Vì vậy, công tác đào tạo đối với cán bộ, công chức cấp xã cũng chủ yếu tập trung ở những bậc học như chuyên môn ở bậc đại học; quản lý nhà nước ở chương trình chuyên viên, cán sự; lý luận chính trị cũng chỉ ở mức trung cấp.

Xem xét số liệu cho thấy, các cơ quan cấp huyện, xã của tỉnh Tuyên Quang đã đẩy mạnh công tác đào tạo để nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức về quản lý nhà nước cũng như lý luận chính trị đối với cán bộ, công chức, trong đó có nữ cán bộ, công chức. Nhiều phụ nữ từ các cơ quan cấp huyện, xã đã coi trọng việc học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thể hiện qua tỷ lệ nữ được đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ gia tăng. Tuy nhiên, đào tạo chuyên môn ở bậc học sau đại học (*thạc sĩ, tiến sĩ*) thì phụ nữ tham gia vẫn còn ít hơn so với nam giới. Do vậy, khi cần nhân sự để quy hoạch, bổ nhiệm một chức danh lãnh

Bảng 4: Tỷ lệ nữ cán bộ, công chức cấp xã được cử đi đào tạo

STT	Nội dung	Giai đoạn 2006-2010		Giai đoạn 2011-2013		So sánh tỷ lệ nữ các giai đoạn (%)
		Tổng (người)	Nữ (%)	Tổng (người)	Nữ (%)	
I	Quản lý nhà nước	364	42,0	333	36,6	5,4
1	Chuyên viên cao cấp	-	-	-	-	-
2	Chuyên viên chính	-	-	-	-	-
3	Chuyên viên	180	44,4	153	36,6	7,8
4	Cán sự	184	37,9	180	31,5	6,4
II	Lý luận chính trị	414	37,0	293	45,4	8,4
1	Cử nhân, cao cấp	4	-	1	-	-
2	Trung cấp	410	37,3	292	45,5	8,2
III	Chuyên môn, nghiệp vụ	172	32,0	168	41,1	9,1
1	Sau đại học	1	-	2	50,0	50,0
2	Đại học	171	32,2	166	41,0	8,8
Tổng		950	38,0	794	42,0	4,0

Nguồn: Ban Tổ chức Tỉnh ủy Tuyên Quang

đạo nào đó, cơ hội của phụ nữ bị hạn chế hơn nam giới.

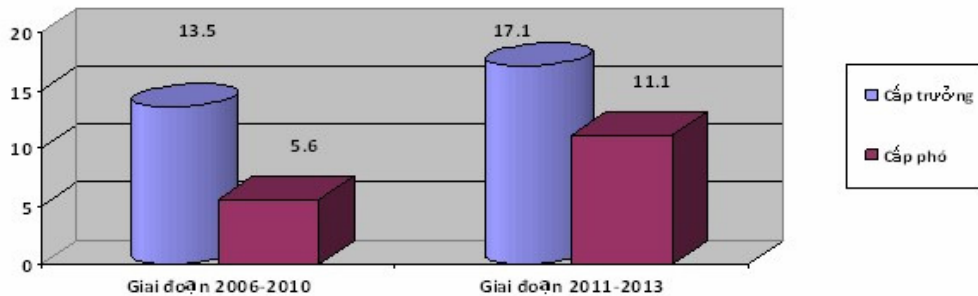
4. Tỷ lệ nữ cán bộ, công chức được bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo

Hàng năm, bộ phận tổ chức của các cơ quan, đơn vị giới thiệu nhân sự đủ tiêu chuẩn (*trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, thâm niên công tác, phẩm chất đạo đức lối sống tốt...*) để lấy phiếu tín nhiệm đưa vào quy hoạch, bổ nhiệm các vị trí lãnh đạo. Sự thăng tiến của mỗi cán bộ, công chức nói chung cũng như của nữ cán bộ, công chức nói riêng thể hiện một cách rõ ràng nhất qua việc được bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo trong các cơ quan đơn vị công tác.

Giai đoạn từ năm 2006 đến tháng 12/2013, toàn tỉnh Tuyên Quang bổ nhiệm 117 người (*cấp trưởng 72 người, cấp phó 45 người*) vào các chức danh lãnh đạo do Ban thường vụ Tỉnh ủy quản lý (*giai đoạn 2006-2010 bổ nhiệm 37 người, trong đó có 05 nữ; giai đoạn 2011-2013 bổ nhiệm 35 người, trong đó có 06 nữ*). Số liệu cụ thể thể hiện qua biểu đồ 2.

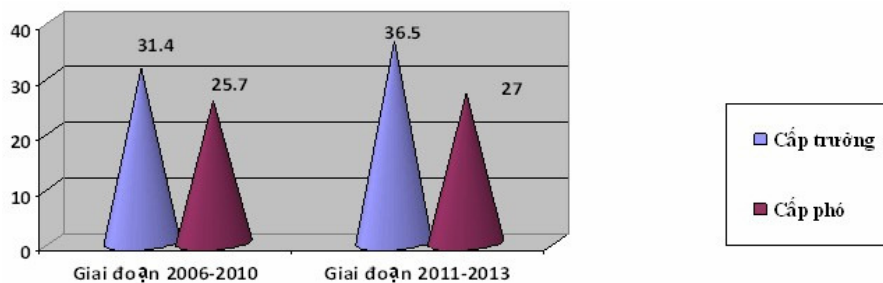
Như vậy, tỷ lệ nữ được bổ nhiệm, bầu vào các chức danh như: Bí thư huyện, thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố cũng như Ban thường vụ các huyện thành ủy có chiều hướng gia tăng. Cụ thể, giai đoạn 2006-2011, tỷ lệ nữ được bổ nhiệm vào nhóm này

Biểu đồ 2: Tỷ lệ nữ cán bộ, công chức thuộc Ban thường vụ Tỉnh ủy quản lý của các cơ quan cấp huyện được bổ nhiệm lãnh đạo



Nguồn: Ban Tổ chức Tỉnh ủy Tuyên Quang

Biểu đồ 3: Tỷ lệ nữ cán bộ, công chức thuộc đối tượng Ban thường vụ huyện, thành ủy quản lý được bổ nhiệm lãnh đạo



Nguồn: Ban Tổ chức Tỉnh ủy Tuyên Quang

chỉ chiếm 13,5% trong số những người được bổ nhiệm. Nhưng đến giai đoạn 2011-2013, trong số những người được bổ nhiệm thì nữ chiếm 17,1% (tăng 3,6%); tuy nhiên, nhìn vào con số tuyệt đối thì không đáng kể (chỉ tăng 1%).

Đối với các chức danh Phó Bí thư huyện, thành ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện thành phố, giai đoạn 2006-2010, tỷ lệ nữ được bổ nhiệm là 5,6%; đến giai đoạn 2011-2013, trong số những người được bổ nhiệm, tỷ lệ nữ chiếm 11,1% (tăng 5,6%). Như vậy, tỷ lệ nữ được bổ nhiệm vào các chức danh thuộc Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đều gia tăng đối với các vị trí cấp trưởng cũng như cấp phó của đơn vị (Xem biểu đồ 3).

Tỷ lệ nữ được bổ nhiệm vào các chức vụ lãnh đạo đối với cả cấp trưởng cũng như cấp phó đều gia tăng (cấp trưởng tăng 5,2%, cấp phó tăng 1,3%). Mỗi cán bộ, công chức đều có cơ hội để được quy hoạch, bổ nhiệm khi bản thân họ hội tụ được các tiêu chí mà tổ chức đưa ra. Trong cơ quan, nữ cán bộ, công chức luôn có ý thức học tập nâng cao trình độ, trang bị các kiến thức về chuyên môn, lý luận chính trị cũng như kiến thức quản lý nhà nước, đáp ứng và đảm nhiệm được yêu cầu của công việc thì sẽ có cơ hội thăng tiến.

Như vậy, với sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, nhất là sự lãnh đạo sâu sắc của các cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở, công tác cán bộ nữ của Tuyên Quang đã phát huy được hiệu quả rõ rệt. Mặt khác, cùng với sự nỗ lực của bản thân nữ cán bộ, công chức, tỷ lệ nữ được bổ nhiệm nắm giữ các vị trí lãnh đạo các cơ quan từ cấp tỉnh đến xã, phường đều gia tăng.

Tóm lại, qua nghiên cứu các số liệu về tỷ lệ nữ được bầu vào Ban Chấp

hành đảng bộ cấp huyện, cấp xã; tỷ lệ nữ được kết nạp đảng; tỷ lệ nữ được cử đi đào tạo nâng cao trình độ và số liệu về việc bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo các cơ quan cấp huyện, xã của tỉnh Tuyên Quang cho thấy, nữ cán bộ, công chức đã có những bước thăng tiến nhất định. Tuy nhiên, công tác đào tạo, bồi dưỡng nữ cán bộ, công chức chủ yếu tập trung vào đào tạo chuyên môn hơn là bồi dưỡng lý luận chính trị và quản lý nhà nước, do đó nhiều người còn thiếu tiêu chí về quản lý nhà nước và lý luận chính trị. Vì vậy khi quy hoạch, bổ nhiệm các vị trí lãnh đạo chủ chốt, nhiều phụ nữ chưa đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đưa ra. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến tỷ lệ nữ được bổ nhiệm lãnh đạo, nhất là những vị trí lãnh đạo chủ chốt chưa cao □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tổ chức Tỉnh ủy Tuyên Quang (2014), Kỷ yếu Hội thảo “Một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác cán bộ nữ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang”.
2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy Tuyên Quang, Các số liệu thống kê trong công tác tổ chức cán bộ.
3. Trần Thị Vân Anh - Lê Ngọc Hùng (2000), *Phụ nữ, Đổi mới và Phát triển*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội.
4. Lê Ngọc Hùng - Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Đồng chủ biên, 2000), *Xã hội học về giới và phát triển*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
5. Ủy ban các vấn đề xã hội (2014), *Giới và lồng ghép giới với hoạt động của Quốc hội*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.